

Bản án số: 111/2019/HS-PT
Ngày 28-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán: 1/Ông Huỳnh Văn Trục

2/Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Dương Ngọc Ân- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Bùi Công H do có kháng cáo của bị cáo H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 192/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Công H; Sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: B19/9 Ấp 3B xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B1/9/2, Ấp 2A, QL 50, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Bùi Công Th và bà Nguyễn Ngọc S; Hoàn cảnh gia đình, có vợ Lê Thị Thanh Ng, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án: Tại Bản án số: 337/2013/HSST, ngày 14/8/2013 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/02/2015; Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2016 đến ngày 16/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt

- Các bị cáo không kháng cáo:

1. Đoàn Lê Ngọc Huy H; Sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 87/4 Ấp TC1, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 86/3 đường L, Ấp TC1, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Con ông Đoàn Văn H và bà Lê Thị H; Hoàn cảnh gia đình: có vợ Nguyễn Thị Túy Ph, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 20/12/2016 đến ngày 16/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Vắng mặt.

2. Phạm Thị Thu H; Sinh năm 1985 tại Kiên Giang; Thường trú: Thôn PL, xã HC, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: 27/8A đường UG, phường TP, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Con ông Phạm Kim Th và bà Nguyễn Thị C; Hoàn cảnh gia đình: có chồng là Trần Thanh V, có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 20/12/2016 đến ngày 16/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Vắng mặt.

3. Võ Hoàng Quốc C; Sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 17/3B Khu phố 10, phường TCH, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 79M Đường TT1, Khu phố 1, phường TMT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Võ Hoàng M và bà Nguyễn Thị L; Hoàn cảnh gia đình, có vợ Nguyễn Ngọc U, có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 20/12/2016.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 20/12/2016 đến ngày 16/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 16/12/2016, Đội Cảnh sát kinh tế Công an quận Bình Thạnh kiểm tra hành chính đối với Bùi Công H tại số 68 Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh phát hiện trong cốp xe mô tô AirBlade biển số 59T1-786.97 của H có 01 túi nylon chứa 12 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (liên 2,3) có ghi nội dung, H khai 12 tờ hóa đơn H nhận từ Phạm Thị Thu H tại địa chỉ

409/1 CVA, phường G, quận BT để giao cho ông Phan Chính L, địa chỉ 71B-72 L2 CM, phường Nguyễn Thái B, Quận A.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại số 409/1 CVA, phường G, quận BT, là trụ sở Công ty TNHH T, thu giữ: 03 thùng tài liệu hóa đơn, chứng từ, 02 máy in, 01 CPU, 02 máy tính xách tay, 02 ĐTDĐ và 01 màn hình vi tính. H khai Công ty T do ông Nguyễn Đức Â, ngụ tại 99/1 QT, xã TC, huyện HM chỉ đạo thành lập với mục đích mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, không có hoạt động kinh doanh diễn ra. Ngoài ông Â còn có thêm Võ Hoàng Quốc C và Đoàn Lê Ngọc Huy H cùng tham gia.

Khám xét khẩn cấp tại số 67/51 XVNT, phường K, quận BT, là Công ty TNHH TMC mà ông Â giao cho H quản lý viết và in hóa đơn, thu giữ: 01 CPU, 02 máy in, 03 thùng giấy chứa hóa đơn chứng từ. Tiếp tục khám xét chỗ ở của H ở số 86/3 LL, ấp TC1, xã TC, huyện HM thu giữ 03 thùng tài liệu, 02 CPU máy vi tính.

Khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Võ Hoàng Quốc C tại 79M đường TT1, khu phố 1, phường TT, quận G thu giữ: 22 thùng tài liệu hóa đơn, chứng từ, con dấu và 01 CPU máy vi tính.

Khám xét chỗ ở của Nguyễn Đức Â tại số 99/1 QT, xã TC, huyện HM, không có mặt ông Â và không thu được tài liệu. Tiến hành xác minh được biết ông Â đi đâu không rõ.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận Nguyễn Đức Â đã đăng ký thành lập 06 Công ty cụ thể như sau:

1/ Công ty TNHH thương mại vận tải LBN do bà Trần Thị L- sinh năm: 1969, hộ khẩu thường trú: 98/32 PHI phường K quận TB làm Giám đốc.

2/ Công ty TNHH TMC do ông Trần Mạnh C – sinh năm: 1984, hộ khẩu thường trú: Ấp TL xã MHB huyện ĐH, tỉnh LA làm Giám đốc.

3/ Công ty TNHH HNT do bà Nguyễn Thị Thu Th- sinh năm: 1975, hộ khẩu thường trú: Khối 13 phường B, Thị xã B, tỉnh Đ làm Giám đốc.

4/ Công ty TNHH TVK do bà Trần Thị Tường V – sinh năm: 1956, hộ khẩu thường trú: 90/5A ĐN phường PH Thành phố N tỉnh K làm Giám đốc

5/ Công ty TNHH BAK do ông Trần Lương B làm Giám đốc, địa chỉ trụ sở 704/34 Hương Lộ 2 Khu phố 4 phường BTĐA quận BT.

6/ Công ty TNHH thương mại dịch vụ quảng cáo TH do bà Phan Thị Thanh H sinh năm: 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn Bình Đ xã NH huyện TN tỉnh QN làm Giám đốc.

Nguyễn Đức Â thuê các Giám đốc trên đứng tên công ty, đồng thời trực tiếp liên hệ, tìm kiếm người mua và thỏa thuận giá cả bán hóa đơn từ 2% đến 4% doanh số chưa thuế. Các công ty này không hoạt động kinh doanh mua bán mà dùng pháp nhân để lập, ký, xuất bán khống hóa đơn giá trị gia tăng cho các đơn vị, cá nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh nhằm thu lợi bất

chính. Tổng số hóa đơn không đã bán ra của 06 công ty từ tháng 11/2011 đến tháng 12/2016 là 6.043 tờ, doanh số bán ra chưa thuế là 971.921.021.078 đồng, thuế giá trị gia tăng là 93.390.972.686 đồng, tổng giá trị thanh toán là 1.605.311.993.764 đồng. Các chứng từ thanh toán như hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, thanh lý hợp đồng, phiếu thu, phiếu chi... đều lập không đề hợp thức hóa việc kê khai báo cáo thuế. Á bán hóa đơn thông qua các đối tượng trung gian ngoài xã hội như Thh, Nhân, Phát, Diệu, Giang, Ngân, Phượng, Sang, Bình, Luân, Hiền và hợp thức hóa thanh toán bằng nhiều tài khoản khác nhau tại các Ngân hàng. Cơ quan điều tra thu giữ 2.318 tờ hóa đơn GTGT đã xuất bán của 06 công ty. Trong đó Công ty LBN 1.268 tờ, Công ty TVK 845 tờ, công ty TMC 128 tờ.

Bùi Công H là người làm thuê cho Phan Chính L, ông L mua hóa đơn GTGT không nội dung từ bị can H, sau đó bán lại kiếm lời. H đến địa chỉ số 401/9 CVA, phường G, quận B, lấy hóa đơn không từ bị can H, sau đó đi giao cho ông L tại cổng chợ DS, Quận A để ông L bán lại cho khách. H đã đi giao nhận hóa đơn GTGT không cho ông L được 10 lần, mỗi lần được ông Á trả tiền 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Tổng cộng số tiền H nhận được là 1.700.000đồng.

Tại Bản án số: 192/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Đoàn Lê Ngọc Huy Hg, Võ Hoàng Quốc C, Phạm Thị Thu H và Bùi Công H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”

Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Đoàn Lê Ngọc Huy H, Võ Hoàng Quốc C, Phạm Thị Thu H;

+ Xử phạt bị cáo **Đoàn Lê Ngọc Huy H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Cấm bị cáo Đoàn Lê Ngọc Huy H hành nghề kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Võ Hoàng Quốc C** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Thu H** 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Cấm bị cáo Phạm Thị Thu H hành nghề kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Bùi Công H;

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Công H** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 20/12/2016 đến ngày 16/6/2016 trong quá trình chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 12/12/2018, bị cáo Bùi Công H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Công H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xác định và giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, mức hình phạt là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Công H cung cấp thêm các tình tiết như bị cáo là lao động chính trong gia đình, tự nguyện nộp lại số tiền phạt và án phí sơ thẩm mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm, tuyên phạt bị cáo mức án bằng với thời hạn đã tạm giam là 05 tháng 28 ngày tù.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Công H về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo Bùi Công H tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Từ khoảng tháng 11/2011 đến tháng 12/2016, Đoàn Ngọc Huy H, Phạm Thị Thu H và Võ Hoàng Quốc C đã sử dụng pháp nhân của 06 công ty do Nguyễn Đức Ân thành lập để mua bán hóa đơn giá trị gia tăng không nội dung, trị giá cho các doanh nghiệp, cá nhân tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận với giá bán từ 2% đến 4% nhằm gian lận trong kê khai nộp thuế để hưởng lợi bất chính, các công ty không có hoạt động sản xuất, kinh doanh. Quá trình điều tra xác định số hóa đơn các bị cáo đã bán ra từ 06 công ty là 6.043 tờ, với doanh số chưa thuế là 971.921.021.078 đồng, thuế giá trị gia tăng là 93.390.972.686 đồng, tổng trị giá thanh toán sau thuế là 1.065.311.933.764 đồng. Trong đó, bị cáo Đoàn Lê Ngọc Huy H hưởng lợi bất chính số tiền là 437.663.449 đồng; bị cáo Phạm Thị Thu H hưởng lợi bất chính số tiền 262.336.100 đồng; bị cáo Võ Hoàng Quốc C hưởng lợi bất chính số tiền 356.000.000 đồng.

Bùi Công H là người làm thuê cho Phan Chính L với nhiệm vụ là lấy hóa đơn không từ H đưa cho L để L bán lại cho khách. Bị cáo H hưởng lợi bất chính số tiền 1.700.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số: 192/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo Đoàn Lê Ngọc Huy H, Võ Hoàng Quốc C, Phạm Thị Thu H và Bùi Công H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo Đoàn Lê Ngọc Huy H, Phạm Thị Thu H và Võ Hoàng Quốc C thuộc trường hợp “hóa đơn, chứng từ có số lượng rất lớn hoặc đặc biệt lớn” và “thu lợi bất chính lớn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị cáo là chưa phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét cần áp dụng lại điều luật của bộ luật hình sự. Theo đó, cần áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo H, H1 và C.

[3] Đối với bị cáo Bùi Công H đã có hành vi giao nhận, vận chuyển hóa đơn giá trị gia tăng không cho Phạm Chính L tại chợ DS, Quận A để Luân bán lại cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu, thu lợi bất chính số tiền 1.750.000 đồng nên cần áp dụng khoản 1 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung

năm 2009 đối với bị cáo Hà.

[4] Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, quá trình điều tra, truy tố, xét xử có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là đúng, nhưng mức phạt 09 tháng tù là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ, H chỉ là người làm thuê cho L, có nhiệm vụ vận chuyển, giao nhận hóa đơn không cho các đối tượng môi giới, số lượng hóa đơn thu giữ khi bị cáo bị bắt là 12 tờ, số tiền thu lợi bất chính là 1.750.000 đồng. Mặt khác, quy định khung hình phạt tại khoản 1 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là cải tạo giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Trong vụ án này, bị cáo đã bị tạm giam 05 tháng 28 ngày.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã tự nguyện nộp số tiền phạt và án phí sơ thẩm là 10.200.000 đồng, đồng thời có giấy xác nhận là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết mới được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị cáo Bùi Công H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm như lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Các vấn đề khác:

Tại phần nhận định của tòa án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; áp dụng điểm h Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H; nhưng tại phần Quyết định lại áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999 là có sai sót, cần nghiêm khắc rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, khi khấu trừ thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Bùi Công H, Tòa án cấp sơ thẩm đã sai sót về thời gian tạm giam bị cáo, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cần sửa lại để đảm bảo quyền, lợi ích của bị cáo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Công H và sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo **Đoàn Lê Ngọc Huy H, Võ Hoàng Quốc C, Phạm Thị Thu H, Bùi Công H** phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

- Xử phạt bị cáo **Đoàn Lê Ngọc Huy H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Cấm bị cáo Đoàn Lê Ngọc Huy H hành nghề kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo **Võ Hoàng Quốc C** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường TMT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Thu H** 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường TP, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án

có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Cấm bị cáo Phạm Thị Thu H hành nghề kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Bùi Công H** 05 (năm) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 20/12/2016 đến ngày 16/6/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

(Bị cáo H đã nộp lại số tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0045005, ngày 26/02/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Bình Thạnh; (2)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Trại tạm giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- THADS quận Bình Thạnh; (1)
- TAND quận Bình Thạnh; (2)
- Công an quận Bình Thạnh; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang